

PHÉP CỘNG TRONG PHẠM VI 10

(3 tiết – SGK trang 56)

A. Mục tiêu

1. Kiến thức, kỹ năng:

- Thực hiện được phép cộng bằng cách dùng sơ đồ tách – gộp số.
 - Thành lập các bảng cộng trong phạm vi 5, 6, 7, 8, 9, 10.
 - Quan sát tranh, nói được “câu chuyện” xảy ra phép cộng, lập sơ đồ phù hợp, viết phép tính liên quan.
 - Làm quen tính chất giao hoán của phép cộng qua các trường hợp cụ thể.
- 2. Năng lực chủ trọng:** tư duy và lập luận toán học, mô hình hóa toán học, giải quyết vấn đề toán học, giao tiếp toán học.
- 3. Tích hợp:** Toán học và cuộc sống, Tự nhiên và Xã hội, Mĩ thuật.

B. Thiết bị dạy học

GV: 8 thẻ từ viết 2 bộ phép tính trong bài 4.

C. Các hoạt động dạy học chủ yếu

KHỞI ĐỘNG

Có thẻ cho các tổ luân phiên đọc các bảng tách – gộp số từ 6 tới 10.

BÀI HỌC VÀ THỰC HÀNH

1. Giới thiệu cách dùng sơ đồ tách – gộp số để thực hiện phép cộng

- GV giúp HS nhận biết nhiệm vụ cần làm: $4 + 3 = ?$
- HS (nhóm đôi) **quan sát** bức tranh, GV giúp các em **nói** “câu chuyện” xảy ra phép cộng theo cấu trúc:

Có...

Và...

Có tất cả...

- HS **thực hiện** phép cộng, **viết** vào bảng con ($4 + 3 = 7$) và **trình bày** cách làm (có thể đếm ngón tay, đếm trực tiếp trong hình, nhớ lại sơ đồ tách – gộp số, ...).
- GV hướng dẫn HS dùng sơ đồ **tách – gộp số**.

GV vừa nói, vừa viết số vào sơ đồ tách – gộp (bảng lớp), HS **viết** (bảng con):

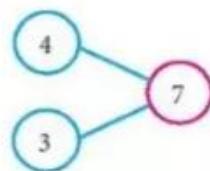
Có 4 chú éch vàng (viết 4)

Và 3 chú éch xanh (viết 3)

Có tất cả 7 chú éch (viết 7).

GV và HS viết phép tính (bảng lớp,

bảng con): $4 + 3 = 7$.



HS **nói** trôi chảy:

- **Gộp 4 và 3 được 7.**
- **Bốn cộng ba bằng bảy.**

2. Thực hành dùng sơ đồ tách – gộp số để thực hiện phép cộng

– Thực hiện mẫu, GV giúp HS làm các việc theo trình tự:

- **Xác định** nhiệm vụ cần làm: $7 + 3 = ?$
- **Xem** tranh, **nói** “câu chuyện” xảy ra phép cộng
- **Lập** sơ đồ tách – gộp số
- **Viết** phép tính, **đọc** phép tính.

– HS thực hiện bài 1 và bài 2 theo trình tự mẫu.

– GV khai quát: * gộp 4 và 4 được 8
 $\rightarrow 4 + 4 = 8$ (bốn cộng bốn bằng tám)
* gộp 2 và 7 được 9
 $\rightarrow 2 + 7 = 9$ (hai cộng bảy bằng chín).

LUYỆN TẬP

Bài 1:

a) GV hướng dẫn HS dựa vào sơ đồ tách – gộp số để **lập** bảng cộng trong phạm vi 5.

– GV yêu cầu HS lần lượt đọc sơ đồ gộp 5 và viết phép tính tương ứng vào bảng con:

Nói: gộp 4 và 1 được 5

Viết: $4 + 1 = 5$

$$1 + 4 = 5.$$

GV lưu ý HS:

- $4 + 1$ cũng giống như $1 + 4$ vì cùng bằng 5
- Nếu HS đọc theo sơ đồ tách: 5 **gồm** 4 và 1

GV hỏi: vậy **gộp 4 và 1 được mấy?**

– HS tiếp tục **hoàn thiện** sơ đồ và **viết** các phép tính còn lại vào bảng con.

b) Lập bảng cộng trong phạm vi 6: HS thực hiện theo câu a.

Lưu ý: GV có thể yêu cầu HS **che** các bảng cộng mới thành lập, dựa vào bảng tách – gộp số, **đọc** trôi chảy bảng cộng.

Bài 2:

GV có thể sử dụng phương pháp mảnh ghép, tổ chức cho HS (nhóm 3) thực hiện các phép tính vào bảng con.

– Mỗi HS **thực hiện** 1 cột phép tính. Sau đó, 3 em **chia sẻ** cho nhau.

– HS **trình bày** theo nhóm – cá nhân **nhận xét**.

Lưu ý, trước khi làm bài GV có thể hỏi HS, ví dụ:

Để biết $1 + 3 = ?$ ta dựa vào đâu? (**gộp 1 và 3 được 4**).

Bài 3:

– HS làm cá nhân.

– Khi sửa bài:

Có thể chia hai đội sửa thi đua, tiếp sức.

GV khuyến khích các em **giải thích** tại sao tim được kết quả như vậy.

Bài 4:

– HS **xác định** nhiệm vụ phải làm (viết dấu $>$, $=$, $<$ vào ô trống).

– Sửa bài:

GV gắn các thẻ phép tính lên bảng lớp (như SGK), chia lớp thành 2 đội rồi tổ chức cho HS chơi tiếp sức: Nối toa xe lửa.

HS lần lượt **diễn** dấu vào ô trống. Đội nào làm xong trước và đúng hết thi thắng cuộc.

GV cho HS **nói lí do** chọn dấu để diễn.

Có thể thực hiện lần lượt từng phép tính rồi so sánh kết quả.

Bài 5:

– GV hướng dẫn HS **tim hiểu** mẫu:

• 7 là tổng được viết ở thân xe, các kiện hàng là các phép tính có tổng bằng 7.

• HS **đọc** bảng tách – gộp 7, với mỗi trường hợp tách – gộp **viết** phép cộng tương ứng:

Ví dụ: **Đọc: gộp 6 và 1 được 7** – **Viết: $6 + 1$.**

HS tiếp tục thực hiện với các phép tính còn lại.

– Tương tự với xe số 8, số 9 và số 10.

– GV giới thiệu các bảng cộng thu gọn trong phạm vi 7, 8, 9, 10.

HS đọc thành thạo các bảng cộng

Lưu ý, với mỗi phép cộng đọc hai trường hợp

Ví dụ: $6 + 1$

Đọc: Sáu cộng một bằng bảy

Một cộng sáu bằng bảy.

Bài 6: Thực hiện gióng bài 2.

Bài 7:

– HS quan sát hình vẽ và mô tả (chim đà điểu, trùng, số, phép tính).

Xác định nhiệm vụ: Giúp đà điểu tìm trùng.

Những quả trùng có tổng là 7 thì thuộc về con đà điểu mang số 7, tương tự con đà điểu mang số 10 là chủ nhân của những quả trùng có tổng là 10.

– HS làm bài.

– Sửa bài: HS đọc chữ số trên đà điểu, đọc các phép tính trên trùng

$$7 = 2 + 5 = 3 + 4 = 1 + 6$$

$$10 = 1 + 9 = 3 + 7 = 2 + 8 = 5 + 5 = 4 + 6.$$

Bài 8:

– HS thảo luận nhóm bốn, nhận biết yêu cầu của bài:

Nêu hai câu chuyện rồi viết hai phép tính cộng thích hợp trong phạm vi 10.

Ví dụ:

• Có 7 con chim đậu trên cành

Và 2 con chim đang bay

Có tất cả 9 con chim

$$7 + 2 = 9$$

• Có 3 con gà trống

Và 5 con gà mái

Có tất cả 8 con gà

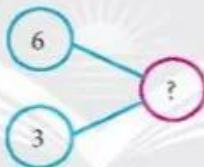
$$3 + 5 = 8$$

– Lưu ý, đây là bài toán mở, khuyến khích HS quan sát tranh dưới nhiều góc độ khác nhau (màu sắc, vị trí, hình dạng, kích cỡ,...)

CÙNG CỐ

GV có thể cho HS chơi “Ai nhanh hơn?” (chia lớp thành 2 đội)

– GV đưa ra sơ đồ tách – gộp số chưa hoàn chỉnh:



– GV yêu cầu:

• 1 đội nêu câu chuyện và hoàn thiện sơ đồ vào bảng con.

• 1 đội nêu câu chuyện và viết phép tính thích hợp vào bảng con.

– Đội nào có tất cả HS làm xong trước thì thắng cuộc.